

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI 2F
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI 2F

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 2F INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110146474

3. Ngày thành lập: 12/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 20B ngách 40 ngõ 79 Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985679266

Fax:

Email: 2f.ttp.info@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649

12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
17.	Trồng lúa	0111
18.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
19.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
20.	Trồng cây hàng năm khác	0119
21.	Trồng cây ăn quả	0121
22.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
23.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
24.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
25.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
26.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
27.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
28.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
29.	Chăn nuôi gia cầm	0146
30.	Chăn nuôi khác	0149
31.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
32.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
33.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
34.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
35.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
36.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
37.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

38.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299(Chính)
40.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: -Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng	7020
41.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc - Hoạt động đo đạc bản đồ - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng -Tư vấn giám sát thi công xây dựng -Tư vấn đấu thầu -Lập hồ sơ mời thầu	7110
42.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định xây dựng	7120
43.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
44.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4690
45.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
46.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
47.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
48.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
49.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
50.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
51.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
52.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
53.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
54.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
55.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821

56.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
57.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4789
58.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá)	4791
59.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đầu giá)	4799
60.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	4933
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
62.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
63.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
64.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
65.	Xây dựng nhà để ở	4101
66.	Xây dựng nhà không để ở	4102
67.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
68.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
69.	Xây dựng công trình điện	4221
70.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
71.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
72.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
73.	Xây dựng công trình thủy	4291
74.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
75.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
76.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
77.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4311
78.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4312
79.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

80.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, sừng, đạn, tem, và tiền kim khí)	4773
-----	---	------

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 5.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THẾ TÙNG	Số 113 Hàng Sắt, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500	1.500.000.000	30,000	0360820117 18	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.500	1.500.000.000	30,000		
2	BÙI THỊ PHƯƠNG	Số 30 ngõ 58 Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000	2.000.000.000	40,000	0361850125 90	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.000	2.000.000.000	40,000		

3	NGUYỄN CƯỜNG THỊNH	Số 20 ngách 40 ngõ 79 đường Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500	1.500.000.000	30,000	0360850123 80
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.500	1.500.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI THỊ PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 22/06/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036185012590

Ngày cấp: 20/08/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 30 ngõ 58 Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 30 ngõ 58 Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội